TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2017/HSST
Ngày 24/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với tHnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đ Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười - Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến - Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí

T ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hi - T ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Toà án nhân dân huyện Đ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 33/2017/HSST ngày 06/7/2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **VŨ THỊ ANH T - 13/12/1986**

Nơi sinh: Xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Vũ Xuân Đ - 1952; Mẹ đẻ: Lê Thị K - 1960. Có chồng là Lê Minh L – 1985 và 02 con còn nhỏ.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

- **Nguyên đơn dân sự:** Trường Mầm non xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Thị Nga H – Hiệu Trưởng. (Có mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Đồng Thị C – 1972. Trường Mầm non xã K. (Có Mặt)

2. Nguyễn Văn T – 1971. Trú tại: Xóm Phú Thịnh, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 13h ngày 28/10/2016 Vũ Thị Anh T (là Phó hiệu trưởng trường Mầm non xã K) đến trường làm việc theo Thường lệ. Tại phòng làm việc có Bùi Việt H là nhân viên y tế kiêm thủ quỹ của nhà trường. Khi đến làm việc H có mang theo ví đựng tiền trong ví có 35.000.000đ và cất vào tủ cá nhân. Khoảng 14h T có nhờ H sang phòng cô Đ là Phó Hiệu trưởng để đánh đề thi hộ T. H đồng ý và đi sang phòng cô Đ để làm việc. Khi đi H vẫn để chùm chìa khóa trên bàn. Trong khi H đánh đề thi còn T và Đ ngồi duyệt đề thi. Khi đang duyệt đề thi thì T quay lại phòng lấy giáo án. Khi quay lại phòng thấy chùm chìa khóa của H để trên bàn làm việc. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T lấy chùm chìa khóa của H mở tủ và lấy một tập tiền trong ví của H cho vào túi của mình, khóa lại tủ và tiếp tục sang phòng cô Đ làm việc. Hết giờ làm việc, T về nhà bố đẻ của mình đếm số tiền lấy trộm trong ví của H kiểm tra được số tiền là 10.600.000đ. Chị Bùi Việt H phát hiện bị mất số tiền là 10.600.000đ đã làm đơn trình báo Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Vũ Thị Anh T sau khi trộm cắp số tiền trên, do lo sợ, chiều ngày 01/11/2016 T cho toàn bộ số tiền vào trong hộp giấy và thuê anh Nguyễn Văn T làm nghề chạy xe ôm đem vào trường Mầm non xã K trả lại cho chị H.

Quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 35/KSĐT-TA ngày 04/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Vũ Thị Anh T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố: Vũ Thị Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, NQ 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt:

Vũ Thị Anh T: 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo T và nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Vũ Thị Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hnh vi phạm tội của bị cáo được chứng minh qua lời nhận tội tại phiên toà ngày hôm nay như sau:

Bị cáo T khai: Chiều ngày 28/10/2016 bị cáo đến trường làm việc như thường ngày. Phòng làm việc của bị cáo có Bùi Việt H là thủ quỹ cơ quan cùng làm việc. Sau khi sang phòng cô Đ là Phó Hiệu trưởng nhà trường nói là cùng duyệt đề thi. Bị cáo có sang bảo cô H sang đánh máy giúp. Khi cô H đang đánh máy bị cáo quay về phòng lấy giáo án thì thấy chìa khóa của cô H để ở bàn nên bị cáo nảy sinh ý định trộm tiền của cô H. Bị cáo lấy chìa khóa mở tủ cá nhân của cô H và mở ví rút tiền trong ví của cô H cho vào ví của mình sau đó sang phòng cô Đ làm việc tiếp, hết giờ làm việc bị cáo về nhà đếm số tiền bị cáo trộm cắp là 10.600.000đ. Sáng ngày thứ 2 tức ngày 01/11/2016 bị cáo đem tiền đến trả nhưng do xấu hổ nên bị cáo không dám trả. Đến chiều bị cáo cho tiền vào hộp và thuê người xe ôm đến trả cho cô H. Hnh vi của bị cáo là vi phạm pháp luật xin HĐXX xem xét.

Nguyên đơn dân sự khai: Tôi là Hiệu trưởng Trường Mầm non xã K. Sự việc cô H là thủ quỹ nhà trường bị mất tiền chiều ngày 28/10/2016 cô H chưa báo cáo ngay. Sáng ngày 01/11/2016 cô H mới báo cáo. Ban giám hiệu nhà trường đã họp và yêu cầu nếu cô nào đã trót lấy thì đem trả tiền và báo cáo với Hiệu trưởng và nhà trường sẽ xử lý nội bộ. Thời gian là đến 13h cùng ngày. Đến 13h30' ngày 01/11/2016 vẫn không thấy ai đến trả tiền. Khoảng hơn 13h thì thấy có anh xe ôm đến đưa cho cô H 01 gói quà. Mở ra thì thấy số tiền là 10.600.000đ. Do không ai nhận đã trộm cắp nên nhà trường đã báo Công an để giải quyết. Nay xác định cô T là người đã lấy tài sản của trường và cô T đã trả lại số tiền trên, nhà trường không có đề nghị gì về phần dân sự.

Như vậy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng. Hành vi lén lút lấy số tiền 10.600.000đ của Vũ Thị Anh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Tại khoản 1 Điều 138 của BLHS quy định:

1. "***Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích, mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."***

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

Xét tính chất Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là Trường Mầm non xã K. Hành vi đó còn làm mất trật tự công cộng.

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy: Theo quy định của khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 thì bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "Xâm phạm tài sản của Nhà nước" nhưng theo Điều 52 của BLHS năm 2015 thì đây không phải là tình tiết tăng nặng nữa do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 của BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện bồi Thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS. Bố bị cáo là Thương binh, là nạn nhân chất độc hóa học và được tặng Thưởng huân chương, theo quy định của BLHS năm 1999 thì đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 thì đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x. Như vậy bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Ngoài ra bị cáo được Trường Mầm non xã K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự . Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nơi cơ trú rõ ràng và có nơi làm việc ổn định nên cho bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Về khấu trừ thu nhập: Tuy bị có là người đang hưởng lương nhưng bị cáo đang ở với mẹ chồng mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư) và bố đẻ bị cáo cũng bị mắc bệnh ung thư, bị cáo nuôi 02 con nhỏ nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi Thường cho trường Mầm non xã K 10.600.000đ nay nhà trường không yêu cầu bồi Thường nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Vũ Thị Anh T phạm tội " Trộm cắp tài sản ".

***Áp dụng**: Khoản 1 Điều 138, Điều 31 của BLHS năm 1999. Điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Xử phạt:

Vũ Thị Anh T: 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo T về UBND xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T phải chịu 200.000 đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo, Nguyên đơn dân sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;(3b)
- VKSND huyện Đ;(2b)
- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đ Long